

Bản án số: 54/2018/HS-ST
Ngày: 08-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Trần Văn Hồ

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN CÔNG S, sinh ngày: 23/5/1995 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 15/22, ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1949 và bà Võ Thị N (đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Bị hại:

Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số 78C1, đường HL, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số 162A6, khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

2. Trần Công H, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Số 211/1, khu phố M, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

3. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: ấp PH, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

4. Đỗ Đa K, sinh ngày: 16/4/2000;

Nơi cư trú: Số 103/84, ấp AH, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/02/2017, Nguyễn Công S cùng Đỗ Đa K và Nguyễn Thanh T là nhân viên của quán karaoke T ở khu phố BK, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre được chị Nguyễn Thị Bích T mời vào phòng số 07 cùng hát karaoke với chị T và các bạn là Nguyễn Thị Kiều O và Trần Công H. Đến khoảng 02 giờ ngày 06/02/2017, chị T đi ra khỏi phòng và để bóp đựng tiền trên ghế salon. Thấy vậy, S nảy sinh ý định lấy trộm tiền của chị T nên mở bóp của chị T ra rút lấy một số tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng cất vào túi quần rồi đặt bóp lại như cũ. Sau đó, lợi dụng lúc mọi người không để ý, S đem toàn bộ số tiền vừa lấy trộm được sang giấu dưới ghế salon của phòng số 11 rồi đi qua phòng Vip 1 ngủ. Sau khi ra ngoài vào, chị T lấy tiền để thanh toán tiền hát karaoke thì phát hiện bị mất tiền nên thông báo và yêu cầu chủ quán vào cùng kiểm tra, tìm kiếm thì phát hiện số tiền 4.000.000 đồng mà S đã lấy trộm cất giấu dưới ghế salon của phòng số 11 và trình báo sự việc đến cơ quan Công an yêu cầu xử lý.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- Tiền Việt Nam: 4.000.000 đồng (do Nguyễn Thị Bích T giao nộp);
- Tiền Việt Nam: 2.450.000 đồng (do Nguyễn Công S giao nộp).

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSTPBT ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Công S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Công S từ 6 đến 9 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận bị cáo đã thỏa thuận bồi thường dân sự xong cho bị hại và hiện bị hại không yêu cầu gì khác. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Bị cáo Nguyễn Công S có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/02/2017 tại phòng số 07, quán karaoke T thuộc khu phố BT, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bị

hại Nguyễn Thị Bích T số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền, bị cáo đem qua phòng số 11 của quán cất giấu và sau đó bị phát hiện thu giữ tang vật. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Công S có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/02/2017 tại phòng số 07, quán karaoke T thuộc khu phố BT, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Bích T số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền, bị cáo đem qua phòng số 11 của quán cất giấu và sau đó bị phát hiện thu giữ tang vật. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là cơ bản phù hợp nhau. Bị hại khai mất số tiền 7.500.000 đồng nhưng bị cáo chỉ thừa nhận trộm số tiền 4.000.000 đồng, số tiền thu giữ tại phòng số 11 của quán là 4.000.000 đồng, ngoài ra không có căn cứ chứng minh bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng còn lại, vì vậy, số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại được xác định là 4.000.000 đồng. Bị cáo S có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như đã thỏa thuận bồi thường dân sự xong cho bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên và căn cứ vào tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là không cần thiết mà

cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng gia đình giám sát bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Bích T khai bị chiếm đoạt số tiền 7.5000.000 đồng, bị cáo chỉ thừa nhận trộm của bị hại T 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng cùng với 4.000.000 đồng thu giữ để giao trả cho bị hại T, hiện bị hại T không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích T 7.500.000 đồng.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Công S “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Công S phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Công S 6 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08/8/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Công S cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích T 7.500.000 đồng và hiện bị hại không yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre số tiền 3.500.000 đồng để giao trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích T.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Công S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình